

1) Tiền Thăng Long



Khảo cổ học đã tìm thấy những dấu vết của người Hà Nội cổ qua những viên đá cuội ở xã Cổ Loa có niên đại từ 2 vạn đến hơn 1 vạn năm thuộc giai đoạn văn hóa Sơn Vi. Trải qua những kiến tạo tự nhiên của vỏ trái đất, vùng Hà Nội cổ đã từng là vùng ngập nước, có rừng xen kẽ những dải đất cao (khoảng từ 1 vạn đến 6–7 nghìn năm



cách ngày nay). Song ngay từ thời kỳ đó đã có sự tồn tại của nhiều nhóm người cổ sinh sống. Các cuộc khai quật khảo cổ học đã cho thấy nhiều lớp văn hóa nối tiếp nhau, hình thành một chuỗi dây lịch sử liên tục từ đầu Thời đại đồng đến đầu Thời đại sắt trên chặng đường 20 thế kỷ trước công nguyên.

Người Hà Nội ngày ấy sinh sống chủ yếu bằng trồng trọt, chăn nuôi, săn bắn và chài lưới đánh cá. Tại các di chỉ khảo cổ đã tìm thấy nhiều rìu, lưỡi cày, liềm bằng đồng, hạt na, hạt trám, hạt gạo cháy và vỏ trấu, hòn chì lưới bằng đá và đất nung. Đặc biệt là số lượng mũi tên đồng được tìm thấy khá nhiều. Đây là các hiện vật thuộc thời đại Hùng Vương với sự hình thành của nhà nước đầu tiên trên đất nước ta : Nhà nước Văn Lang.



Di tích Cổ Loa

Khoảng năm 218 trước công nguyên, Tần Thủy Hoàng phái 50 vạn quân tiến đánh miền Bách Việt. Đây cũng chính là thời điểm diễn ra sự hợp nhất giữa hai tộc người Tây Âu của Thục Phán và Lạc Việt của Hùng Vương để làm thành một khối thống nhất. Sau khi quân Tần rút, Thục Phán lên ngôi vua lấy hiệu An Dương Vương, đặt quốc hiệu Âu Lạc, định đô tại Cổ Loa xây tòa thành ốc. Hà Nội với tòa thành đó bắt đầu đi vào lịch sử với tư cách một trung tâm chính trị, xã hội đầu tiên của đất nước.



Thành Cổ Loa được xây dựng trên mảnh đất Chạ Chủ – một làng quê thời Hùng – trở thành đế đô nhà Thục. Với mục đích dựng thành một chiến lũy bất khả chiến bại, thành được xây dựng hết sức công phu với hệ thống thành, hào, lũy xen kẽ, làm thành một loa thành khổng lồ hình xoáy tròn ốc soi bóng xuống dòng Hoàng Giang. Thành đắp dựa vào hình sông thế núi, uốn lượn theo địa hình tự nhiên, ngoài hào trong lũy, hào lại nối với sông và đầm cả mệnh mông, quanh năm đầy ắp nước, tạo cho Cổ Loa vừa là căn cứ phòng ngự vừa là căn cứ tiến công, vừa tác chiến trên bộ vừa tiến công dưới thủy. Với kết cấu thành – hào – lũy,



Thủy đình làng Gióng

thành Cổ Loa được xây dựng thành ba vòng : Thành ngoại, Thành giữa, Thành nội. Các cửa bố trí chéo nhau, đường nối hai cửa làm thành hình chéo, đi lại quanh co, lại có ụ phòng ngự hai bên, dẹt nên huyền tích thành ốc – Loa Thành. Đây chính là thành quả lao động và sức sáng tạo kỳ diệu của quần dân Âu Lạc.

Cùng với kỹ thuật chế tác và sử dụng cung nỏ đã được nâng lên thành nghệ thuật quân sự, thành Cổ Loa đã nhiều lần kiêu hùng chứng kiến thất bại thảm hại của quân xâm lược phương Bắc. Chính những thắng lợi huy hoàng ấy đã dẹt nên huyền thoại lấy Nỏ thần. Sử chép Triệu Đà đã nhiều lần cất quân xâm lược Âu

Lạc nhưng đều thất bại liền thay đổi phương cách xâm lược bằng cách xin giảng hòa và cầu hôn con gái vua Thục là công chúa My Châu cho con trai mình là Trọng Thủy.

Cuộc hôn nhân chính trị này dẫn đến hậu quả không đầy ba năm, nỏ thần – biểu tượng của những bí mật quốc gia bị mất cắp, vua xa dân, tai không muốn nghe lời nói phải. Con gái vua nhẹ dạ tin người, vì thế cơ đồ Âu Lạc chìm đắm biển sâu. Từ tòa thành kỳ diệu, Cổ Loa lại chứa đựng cả một bi kịch : bi kịch gia đình, bi kịch tình yêu, và hơn hết thảy : bi kịch mất nước ! Quốc gia Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà, mở đầu thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc lần thứ nhất trong lịch sử nước ta.



Lên ngôi từ năm 208 đến năm 179 trước công nguyên, Thục Phán bị Triệu Đà dùng mưu gian đánh bại. Từ đó, nước Âu Lạc bị sa vào ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và bị chia thành 3 quận : Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Hà Nội thuộc quận Giao Chỉ, về sau là trung tâm huyện Tống Bình (khoảng 454–456). Huyện Tống Bình sau đổi thành quận, quận Tống Bình gồm 3 huyện: Nghĩa Hoài, Từ Ninh (Từ Liêm, Hoài Đức ngày nay) và Xương Quốc (Đông Anh, Gia Lâm ngày nay). Quận trị chính là vùng nội thành ngày nay.

Từ Cổ Loa đến Thăng Long

Kể từ thời Thục Phán An Dương Vương đến thời Lý, dân tộc ta đã trải qua hơn một ngàn năm binh lửa anh dũng chống phong kiến phương Bắc và đã không ít lần giành lại quyền độc lập tự chủ : đó là giai đoạn của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, họ Khúc, họ Ngô... Trong suốt thời gian đó đã hơn một lần vùng đất Hà Nội cổ trở thành thủ phủ của chính quyền trung ương : Năm 545 Lý Bý khởi nghĩa, dựng thành ở cửa sông Tô đánh đuổi quân đô hộ nhà Lương, xưng Đế, đặt quốc hiệu Vạn xuân, đóng đô ở Long Biên (vị trí thị xã Bắc Ninh ngày nay). Hiện nay tại làng Vĩnh Tuy thuộc huyện Thanh Trì – Hà Nội còn một khu đầm có tên là đầm Vạn Xoan (do đọc chệch từ Vạn Xuân), rất có thể đây là nơi Lý Nam Đế thiết lập bộ chỉ huy quân sự của nhà nước Vạn Xuân. Một tấm bia tìm thấy năm 1962 tại đầm Vạn Xoan có niên hiệu nhà Lương tức là tương đương với thời tiền Lý.

Sau công cuộc hưng binh khởi nghĩa dựng đô của Lý Nam Đế thất bại đất nước ta nói chung và quận trị Tống Bình (Hà Nội cổ) nói riêng lại lệ thuộc phong kiến phương Bắc và trở thành phủ trị đô hộ của chúng: năm 621 một thành được dựng lên ở đây gọi là Tử Thành với chu vi 900 bộ. Năm 767 dưới thời nhà Đường, thành được mở rộng để phục vụ cho mục đích quân sự gồm 10 dinh, chia làm hai bên tả hữu, xung quanh có tường thành bao bọc gọi là La Thành. Năm 808 để đối phó với các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta viên đô hộ sứ Trương Chu cho sửa đắp lại La Thành to lớn hơn gọi là Đại La Thành. Năm 866 Cao Biền cho xây lại thành và đắp thêm Đại La Thành. Từ đó Tống Bình được gọi với cái tên thành Đại La. Tuy nhiên đó chỉ là thành lũy có tính chất quân sự để bảo vệ cơ quan hành chính của bọn xâm lược chứ chưa phải là thành trì với đầy đủ mọi mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hóa của mọi tầng lớp trong xã hội.

Năm 938, Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, năm 939 ông lên ngôi, Cổ Loa lại một lần nữa được chọn làm kinh đô của một nước độc lập.

Tất cả những yếu tố trên đã làm thành những tiền đề nhất định, mở đường cho miền Hà Nội trở thành vị trí quan trọng bậc nhất về mọi mặt trong các thời đại về sau.

2) Thăng Long thời Lý

Chiếu dời đô



Khi nhà Đinh, nhà Tiền Lê làm tròn nhiệm vụ lịch sử của mình (củng cố độc lập dân tộc, khôi phục thống nhất quốc gia) thì Hoa Lư cũng vừa xong sứ mệnh lịch sử của một Thủ đô thời kỳ đầu khi đất nước giành lại độc lập. Độc lập tổ quốc đã được thử thách và vững vàng hơn. Những tiền đề cần thiết cho bước nhảy vọt về kinh tế, phát triển huy hoàng về văn hóa đã được chuẩn bị qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê. năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc. Với nhãn quan chính trị xuất sắc của mình, nhà vua đã nhận ra vị thế đặc địa của thành Đại La.

Mùa thu tháng bảy năm Canh Tuất (1010), vua đầu triều Lý quyết định dời đô. Mùa nước rẫy, thuyền ngự với chiến thuyền và văn võ bá quan hộ tống từ Hoa Lư ngược dòng cập bến Đại La.

Tại vùng đất mới, nhà vua đổi tên là thành Thăng Long.

Kinh thành mới đại thể được giới hạn bằng 3 con sông. Phía Đông là sông Hồng, phía Bắc và phía Tây là sông Tô, phía Nam là sông Kim Ngưu và chia làm hai phần : Hoàng thành và kinh thành. Hoàng thành nằm trong lòng Kinh thành, vị trí gần Hồ Tây, nơi có các cung điện hoàng gia, đồng thời là nơi thiết triều. Trong Hoàng thành còn ngăn ra một khu vực nữa gọi là Cấm thành. Đây là nơi ở của hoàng gia, gọi là Long thành. Những cung điện chính còn ghi chép trong sử sách như : Điện Kiền Nguyên là điện chính, nơi vua làm việc, hai bên tả hữu là điện Tập Hiền và Giảng Vũ. Bên trái mở cửa Phi Long thông với cung Nghinh Xuân; bên phải mở cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn; chính Bắc dựng điện Cao Minh, đằng sau dựng điện Long An và Long Thụy để vua nghỉ ngơi, tiếp sau là cung Thụy Hoa và các cung khác để các phi tần ở ...

Năm 1029 vua Lý Thái Tông cho xây dựng lại Cấm thành. Trên nền cũ của điện Kiền Nguyên dựng điện Thiên An làm chính, hai bên tả hữu là điện Tuyên Đức và Diên Phúc. Đằng trước Thiên An là sân rồng, hai bên tả hữu sân rồng dựng gác chuông, xung quanh bốn bề đều dựng hành lang và dải vũ. Chếch về phía Đông là điện Văn Minh và điện Quảng vũ. Phía trước sân rồng là điện Phụng Tiên, trên điện có lầu Chính Dương nơi đặt đồng hồ và báo canh. Đằng sau điện Thiên An là điện Thiên Khánh hình bát giác, nối liền Thiên Khánh với điện Trường Xuân phía sau là các cầu Phượng Hoàng, trên điện Trường Xuân có gác Long

Đồ.

Năm 1203 lại thêm đợt xây dựng mới. Vua Lý Cao Tông cho dựng thêm cung điện ở phía Tây cấm điện : Chính giữa đặt điện Thiên Thụy, bên trái dựng điện Dương Minh, bên phải dựng điện Thiềm Quang, đằng trước xây điện Chính Nghi, phía trên dựng điện Kính Thiên. Chính giữa mở cửa Vinh Nghiêm, bên phải mở cửa Vệt Thành, thêm gọi là Ngân Hồng. Đằng sau mở điện Thắng Thọ, trên có dựng gác. Bên trái xây gác Nhật Kim, bên phải xây gác Nguyệt Bảo, xung quanh đều dựng nhà hành lang. Phía trái gác Nguyệt Bảo dựng tòa Lương Thạch, phía Tây gác xây Dục Đường (nhà tắm). Ngoài ra còn rất nhiều công trình khác như gác Phú Quốc, thềm Phượng Tiêu, cửa Thấu Viên, ao Dưỡng Ngư, đình Ngoạn Y. Tất cả các công trình này đều có trồng hoa thơm cỏ lạ, “cách chạm trổ trang sức khéo léo, công trình thổ mộc đẹp đẽ xưa chưa từng có vậy” (Việt Sử Lược t. 14). Bao bọc các cung điện là một bức tường thành bảo vệ gọi là Long Thành với 10 vệ cấm quân ngày đêm canh gác.

Ngoài các cung điện, nhà Lý còn xây dựng khá nhiều các đền miếu, chùa tháp, hồ, vườn cảnh để phục vụ cho nhu cầu du ngoạn và tâm linh của hoàng tộc như chùa Vạn Tuế, chùa Hưng Thiên Ngự, chùa Chân Giáo, đền Quán Thánh và hàng loạt lầu các, đài tạ rất đẹp như : đài Chúng Tiên dựng năm 1161 tầng trên lợp ngói vàng, tầng dưới lợp ngói bạc; hồ Kim Minh vạn tuế có cầu Vũ Phượng đi vào núi đá giữa hồ; hồ Thụy Thanh, ứng Minh (đào năm 1051); hồ Phượng Liên (đào năm 1098), cạnh hồ dựng điện Sùng Uyên, điện Huy Dương, đình Lai Phượng, điện ánh Thiềm, đình át Văn cùng lầu Trường Minh, phía sau bắc cầu Ngoạn Hoa. Nhiều vườn ngự cũng được mở trong khu hoàng thành; vườn Quỳnh Lâm, Thắng cảnh, Xuân Quang, Thượng Lâm. Trong các vườn này còn đào hồ nuôi thả hải sản như đồi mồi cá biển... Tất cả các công trình kiến trúc trong hoàng thành đều xây dựng quy mô tráng lệ, từ lầu son gác tía đến các công trình văn hóa, tôn giáo hòa quyện với thiên nhiên tạo nên dáng vẻ riêng của chốn Cửu trùng.

Khu thứ hai là khu dân sự, quan lại và binh lính ở bao bọc lấy hoàng thành, còn gọi là kinh thành. Khu này chia thành các phường nông nghiệp và thủ công nghiệp. Cả hai khu (Hoàng thành và kinh thành) được bao bọc bằng đề của ba con sông nói trên.

Đời sống kinh tế tại Thăng Long thời gian này đã có nhiều thay đổi. Từ vị trí là một miền đất dân Khang vật thịnh, nên khi trở thành Kinh Sư dân số Thăng Long ngày càng đông, hoạt động kinh tế của kinh thành ngày càng sầm uất, phồn thịnh hơn trước.

Chỉ trong khoảng hơn một trăm năm sau khi trở thành kinh đô, tại Thăng Long, nhà Lý trong giai đoạn thịnh đạt đã đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trên quy mô lớn, mở ra kỷ nguyên văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam. Tứ đại khí : chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên, tượng Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh chính là được thiết kế từ thời kỳ này. Nhà Lý đã trải qua 9 đời ở kinh thành Thăng Long, đổi quốc hiệu là Đại Việt, tồn tại 215 năm.

3) Thăng Long thời Trần

Hịch Tướng Sĩ

Nhà Lý chính thức chấm dứt sự thống trị của mình vào ngày mùng 1 tháng Chạp năm Ất Dậu (1226), khi Lý Chiêu Hoàng dưới sự đạo diễn của Trần Thủ Độ đã xuống chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Nhà Trần thay nhà Lý trên chính trường chính trị, đồng thời cũng thay nhà Lý mở ra một thời kỳ mới phát triển cao hơn của xã hội Đại Việt : vững vàng, năng động, thống nhất và ổn định cho đến giữa thế kỷ XV.



Trần Hưng Đạo

Thăng Long thời Trần vẫn là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa lớn nhất của Đại Việt bấy giờ. Cuộc chuyển giao triều chính diễn ra một cách hòa bình đã không làm cho Thăng Long thay đổi nhiều. Về kiến trúc vẫn như thời Lý, nhiều cung điện trong Hoàng thành và Cấm thành vẫn giữ nguyên. Nhà Trần ngoài việc trùng tu các công trình cũ còn xây dựng một số công trình kiến trúc mới ở Thăng Long : lập Viện quốc học, Giảng võ đường... Kinh thành chia làm 61 phường, bao gồm cả phường buôn, phường thợ và phường làm nông nghiệp. Một số tên phường trong thời kỳ này còn thấy lác đác ghi trong sử sách cũ như : Thái Hòa, Báo Thiên, Phụng Nhật, Cơ Xá, Bố Cái, Hạc Kiều, Thịnh Quang, Toán Viên...

Việc buôn bán giữa Thăng Long và các địa phương đã bắt đầu phát triển. Sông Tô Lịch thành nơi buôn bán sầm uất trên bến dưới thuyền. Khách buôn từ khắp nơi đều theo sông Hồng, qua cửa Hà Khẩu vào sông Tô để đưa hàng vào kinh thành. Sự kiện năm 1400 khi Hồ Quý Ly đánh thuế thuyền buôn đã chứng tỏ hình thức

buôn bán bằng đường thủy ở Thăng Long thời gian này khá hưng thịnh.

Sự kiện năm 1282 vua Trần Thánh Tông đi xe từ kinh thành đến Bình Than (Chí Linh – Hải Hưng) để hội chư quân cho phép chúng ta khẳng định tuyến đường bộ thời ấy đã tương đối rộng rãi và thông thương thuận tiện. Đây chính là những tiền đề cần thiết cho các hoạt động kinh tế và thương mại của Thăng Long thời Trần được đẩy lên một diện mạo mới.

Cuối thời Trần, Thăng Long đã được sử sách chép với cái tên “Kẻ chợ”. Điều đó cho thấy diện mạo của Thăng Long đương thời đã phần nào mang dáng dấp của một thành phố quốc tế : một thành phố nhân ái, là nơi giao lưu và hội tụ của nhiều yếu tố kinh tế, văn hóa và con người; một thành phố thủ công và buôn bán nhỏ của người Việt nhưng cũng có các cửa hàng buôn bán lớn của người Hoa, Hồi Hột, Chà Và...; một thành phố đón tiếp các sứ giả Tống, Nguyên, Lào, Chiêm Thành, Gia Va, các tăng ni bậc thầy cả ở Trung á, ấn độ và có cả những quần tụ người Chiêm Thành ở miền ven nội; một Thăng Long vừa diễn chèo Việt, tuồng Tàu, và múa điệu người Hồ...

Kinh tế công thương nghiệp thành thị sinh ra tầng lớp thị dân và lối sống thị dân. Sử chép : vua Trần Anh Tông (1293–1314) thường “lên đi chơi, cứ đến đêm đi kiệu cùng hơn mười người thị vệ, đi khắp kinh thành, đến gà sáng mới về”, chứng tỏ Thăng Long ngày ấy đã tương đối sầm uất và ắt hẳn có nhiều hình thức buôn bán cũng như vui chơi về ban đêm.

Thăng Long đời Trần không chỉ xây dựng và sáng tạo nghệ thuật mà còn đánh giặc và đánh giỏi. Trong vòng 30 năm, ba lần Thăng Long trở thành tòa thành vườn không nhà trống, để rồi là mồ chôn quân xâm lược mà dấu vết oai hùng vẫn in dấu vàng son mỗi tên người tên đất : Đông Bộ Đầu – dốc Hàng Than; Giang Khẩu – Hàng Buồm... và cuối cùng; “Đằng giang tự cổ huyết do hồng” lại nối tiếp chiến công xa nhấn chìm quân xâm lược cùng tham vọng bành trướng của chúng. Thăng Long qua ba lần thử lửa vẫn vững vàng xứng đáng là một đô thành anh hùng.

Nhà Trần tồn tại trên mảnh đất kinh kỳ như vậy 175 năm với 12 đời vua nối nhau trị vì trên đất Thăng Long Kẻ chợ.

4) Thăng Long thời Lê Sơ

Bình Ngô Đại Cáo

Như một quy luật, nhà Trần sau một thời gian hưng thịnh, đã đi vào suy thoái, quý tộc ngoại thích Hồ Quý Ly chiếm ngôi lập ra nhà Hồ (1400 – 1407). Ông xây dựng một đô thành mới ở Thanh Hóa gọi là Tây Đô. Thành Thăng Long, lúc này đổi là Đông Đô rồi Đông Quan lại một lần nữa chứng kiến quân xâm lược ngoại bang giày xéo. Năm 1406, nhà Minh phái 20 vạn quân sang xâm lược Đại Việt. Cuộc kháng chiến do nhà Hồ lãnh đạo thất bại, thành Đông Quan trở thành nơi chiếm đóng của địch. Đất nước đứng trước thử thách mới của lịch sử để rồi chứng kiến cuộc chiến tranh giữ nước của anh hùng tương ngộ Lê Lợi – Nguyễn Trãi (1418). 10 năm sau ngày phát cờ khởi nghĩa tại núi rừng Lam Sơn, quê hương của người anh hùng Lê Lợi, toàn quân dân Đại Việt đã đại thắng giặc Minh, lập nên một triều đại mới : triều đại nhà Lê.

Ngày 29 tháng 4 năm 1428 (ngày 16 tháng 4 năm Mậu Thân), Lê Lợi chính thức lên ngôi hoàng đế tại điện Kính Thiên, khôi phục quốc hiệu là Đại Việt, đóng đô ở Đông Đô (Thăng Long), mở đầu kỷ Lê Sơ. Năm 1430 đổi Đông Đô làm Đông Kinh, năm 1446 đổi gọi là phủ Trung Đô. Kinh thành nói chung vẫn như thời Lý – Trần – Hồ và mở thêm về phía Đông. Cho đến năm 1459, sau sự biến trong Cấm Thành, Lê Thánh Tông đã cho dựng lại Hoàng thành rộng dài thêm 8 dặm nữa. Theo bản đồ vẽ năm 1490 thì trong cùng là tòa thành hình chữ nhật xây gạch gọi là Cấm Thành. Bên trong có các cung điện, thâm nghiêm nhất là điện Kính Thiên. Bên phải là điện Chí Kính, phía sau là điện Vạn Thọ, đằng trước là điện Thị Triều. Phía ngoài điện Thị Triều là cửa Đoan Môn, hai bên cửa Đoan Môn là hai cửa

Đông và Tây Tràng An ăn thông ra phía Tây và Đông Hoàng thành nơi có nhà Thái miếu – nơi thờ tổ tiên nhà vua và Đông cung – nơi Thái tử ở.

Năm 1512 Lê Tương Dực lệnh cho Vũ Như Tô đứng ra trông nom xây dựng hơn 100 nóc cung điện có gác và khởi công xây dựng Cửu Trùng Đài. Năm 1514 lại cho mở rộng Hoàng thành mấy nghìn trượng (mỗi trượng 3,6 m) bao bọc cả quán Trấn vũ và chùa Kim cổ, tường thành chạy từ phía Đông nam đến Tây bắc, chắn ngang sông Tô. Theo lối vẽ ước lệ của bản đồ thì phỏng đoán rằng mặt phía Đông gần trùng với phố Hàng Cót, Hàng Điều, Hàng Da ngày nay. Phía mặt Bắc chạy theo sông Tô, trùng với đường Hoàng Hoa